TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1192**/2026/HS-ST.
Ngày: 17/8/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đời.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Gái;

Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đoàn Hữu Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Ngụy Khắc Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 1011/2026/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2530/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn D**, sinh ngày 15/8/1993 tại tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: Thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Căn hộ S Tòa D – Lumiere Boulevard Khu dân cư và Công viên P, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do. Cha tên Nguyễn Văn H (sinh năm 1968); Mẹ tên Nguyễn Thị N (sinh năm 1969); vợ tên Lê Thị Tường V (sinh năm 1993, đã ly hôn), có 01 con chung sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/4/2026, (có mặt).

- *Người bị hại*: Bà **Trần Thị Tuyết N1**, sinh năm 1993; Địa chỉ: K, xã V, tỉnh Nghệ An, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/8/2025, chị Trần Thị Tuyết N1 (sinh năm 1993) lên mạng xã hội Tiktok thấy tài khoản Tiktok Master D (Nguyễn Văn D, sinh năm 1993) đăng tải thông tin "Nhà tâm linh có khả năng cảm xạ, trị liệu năng lượng, tâm lý bằng năng lượng, bán bột phong thủy để thanh tẩy năng lượng nhà cửa" nên chị N1 nhắn tin để được tư vấn. Sau đó, chị N1 được D kết bạn qua Zalo tên tài khoản "Luminous D". D tư vấn gói "Cảm xạ Combo 3 - Thần Giác S - Giải mã linh hồn gọi tên khí thần" giá 3.333.333 đồng. Sau khi được D tư vấn, N1 tin tưởng đồng ý mua gói cảm xạ trên và chuyển khoản cho D vào ngày 04/8/2025.

Đến ngày 05/8/2025, D trả kết quả cảm xạ cho chị N1 và nói chị N1 đang "Có 09 âm binh, 11 đến 12 năm ngã quỷ theo" làm cho chị N1 sợ và tin là có thật để D tiếp tục giới thiệu về "Gói xử lý Âm binh, bùa ngải, thư yếm, oan gia trái chủ, duyên âm, nghiệt duyên" với giá 25.000.000 đồng dụ chị N1 mua.

Ngày 08/8/2025, chị N1 chuyển trước 10.000.000 đồng từ tài khoản V1 của N1 vào tài khoản T của D để đặt cọc trước.

Ngày 21/9/2025, chị N1 đến nhà của D tại Căn hộ S Tòa D khu dân cư và công viên P, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh để D tiếp tục thực hiện "Cảm xạ". Tại đây, D dùng một vật bằng kim loại màu xanh được gọi là "Pháp khí mật tông" đặt lên tay phải của chị N1 và tay trái của D, còn tay phải của D cầm "Con quay" quay nhiều vòng rồi yêu cầu chị N1 nhắm mắt lại, rồi dùng chuông xoay để gỡ chuông xung quanh đầu chị N1 và kết thúc liệu trình cảm xạ. Sau đó, chị N1 chuyển khoản thêm 15.000.000 đồng cho D như thỏa thuận ban đầu rồi đi về.

Đến ngày 09/01/2026, chị N1 thấy "Cảm xạ" không hiệu quả, nghi ngờ bị D lừa đảo nên đến Công an phường L tố cáo D. Tại Cơ quan điều tra, D thừa nhận việc thực hiện cảm xạ cho chị N1 là không có căn cứ khoa học, không được cơ quan có thẩm quyền công nhận, không thể kiểm chứng nhưng vì mục đích vụ lợi D vẫn cố tình lợi dụng yếu tô tâm linh, đưa ra các thông tin không có thật để chiếm đoạt số tiên trên của chị N1.

Vật chứng, đồ vật thu giữ liên quan đến vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax màu xanh; 01 con quay kim loại; 01 quyển sách màu cam nhiều họa tiết; 01 chuông kim loại màu vàng và 01 thanh kim loại màu xanh dài 15cm.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Tuyết N1 đã được Nguyễn Văn D hoàn trả lại số tiền 28.333.333 đồng và bồi thường số tiền 8.466.667 đồng chi phí đi lại nên có đơn xin bãi nại và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số: 240/CT-VKSHCM-KV ngày 13/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Văn D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng.

- Bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và nhất trí với nội dung truy tố của Viện kiểm sát.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Về vật chứng, đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động, các vật chứng còn lại đề nghị tịch thu tiêu hủy; về trách nhiệm bồi thường dân sự đã thực hiện xong nên đề nghị không xem xét xử lý; buộc bị cáo D phải chịu án phí hình sự theo quy định.

- Bị cáo D không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến gì khác.

- Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, thật sự ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, áp dụng hình phạt với mức án khoan hồng, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại – bà Trần Thị Tuyết N1 đã được Tòa án thông báo triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bị hại theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo, của bị hại trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vì động cơ tư lợi, bị cáo Nguyễn Văn D đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị Tuyết N1. Cụ thể, tại nơi ở của D ở địa chỉ Căn hộ S Tòa D khu dân cư và công viên P, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, D đã có hành vi gian dối, núp chiêu trò "Cảm xạ" – (xử lý phần âm) không có cơ sở khoa học để đưa ra những thông tin không có thật nhằm tác động tâm lý làm cho chị N1 tin tưởng rồi chiếm đoạt số tiền tổng cộng là 28.333.333 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền một cách nhanh chóng nên đã thực hiện hành vi vi phạm như trên. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 28.333.333 đồng nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS, do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh theo điều khoản, luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại; đồng thời người bị hại cũng có đơn xin bãi nại cho bị cáo,

do đó cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax màu xanh, xét đây là chiếc điện thoại bị cáo dùng để liên hệ với bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, được xem là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 con quay kim loại, 01 quyển sách màu cam nhiều họa tiết, 01 chuông kim loại màu vàng và 01 thanh kim loại màu xanh dài 15cm, xét đây là các công cụ, phương tiện mà bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung tiêu hủy theo quy định.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường xong, không có yêu cầu thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 174 BLHS quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".* Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo cũng đã bồi thường toàn bộ thiệt hai; trong thời gian bị tạm giam, bị cáo cũng nhận thức được hành vi của mình là sai trái, thật sự ăn năn hối cãi. Xét bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và Pháp luật.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025); khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án. Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn D tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân phường L, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được cho hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, màu xanh đen (đã qua sử dụng, tắt nguồn, không kiểm tra bên trong).

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 con quay kim loại; 01 quyển sách màu cam nhiều họa tiết; 01 chuông kim loại màu vàng và 01 thanh kim loại màu xanh dài 15cm (tình trạng các vật chứng này đã qua sử dụng).

(*Theo Phiếu nhập kho vật chứng và tài liệu, đồ vật số 17/PNK ngày và Biên bản giao, nhận vật chứng và tài liệu, đồ vật cùng ngày 16/7/2026 tại Kho vật chứng thuộc Trại tạm giam B – Phân trại tạm giam C, Công an T1*).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015,

- Bị cáo Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

(*Hội đồng xét xử đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo*).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 2 – TP.HCM;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng TAHDS Khu vực 2 – TP.HCM;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: VP; Hồ sơ vụ án (Đ-Phúc), 15.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Danh Đời